

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2794/GPMT-UBND

Nghệ An, ngày 25 tháng 6 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Văn bản số 68/CV-KBK ngày 17/06/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Toàn KBK về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trụ sở làm việc và kinh doanh dịch vụ tại phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 7613/SNNMT-BVMT ngày 19/6/2026 về việc cấp giấy phép môi trường cho dự án Trụ sở làm việc và kinh doanh dịch vụ tại phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Toàn KBK, địa chỉ tại đường Lê Văn Miến, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An được thực hiện các hoạt động

bảo vệ môi trường của dự án Trụ sở làm việc và kinh doanh dịch vụ tại phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Trụ sở làm việc và kinh doanh dịch vụ.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: đường Lê Văn Miến, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901885111 do Sở Tài chính tỉnh Nghệ An chứng nhận lần đầu ngày 31/03/2017; thay đổi lần thứ 7 ngày 19/11/2025.
- 1.4. Mã số thuế: 2901885111.
- 1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: căn hộ du lịch, kinh doanh dịch vụ và văn phòng làm việc.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:
 - Tổng diện tích Dự án: 2.107,1 m².
 - Dự án có tiêu chí tương đương Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
 - Dự án có tiêu chí môi trường như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.
 - Công trình kiến trúc bao gồm 01 tòa nhà cao 15 tầng nổi + 02 tầng hầm, cụ thể: 2 tầng hầm: bãi đậu xe; từ tầng 1 - 2: khu kinh doanh dịch vụ; từ tầng 3 - 15: căn hộ du lịch.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

- 2.1. Được phép đầu nối nước thải và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với quản lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Toàn KBK

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Toàn KBK có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc đầu nổi nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Vinh Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận: /

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- PCT UBND tỉnh (Nguyễn Văn Đệ);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Vinh Phú;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Toàn KBK;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN(TP, Th).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI***(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2794 /GPMT-UBND**ngày 25 /6 /2026 của UBND tỉnh)*

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án Trụ sở làm việc và kinh doanh dịch vụ tại đường Lê Văn Miến, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dọc đường Lê Văn Miến, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của phường Trường Vinh để tiếp tục xử lý; không xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Toàn KBK đã có thỏa thuận đầu nối thoát nước với Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển hạ tầng đô thị Vinh (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của phường Trường Vinh) tại Văn bản số 109/CV-HTV ngày 08/12/2025.

- Chất lượng nước thải sau xử lý của Dự án phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 14:2025/BTNMT (cột B, bảng 2) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải khu vực dọc đường Lê Văn Miến tại 01 điểm đầu nối.

- Tọa độ điểm đầu nối nước thải: $X = 2067936$, $Y = 598623$ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: nước thải từ các nhà vệ sinh (bệ xí, bệ tiểu...).
- Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động rửa chân tay, thoát sàn.
- Nguồn số 03: nước thải từ khu vực nhà bếp, chậu rửa.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực dọc đường Lê Văn Miến.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Khối Yên Sơn, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.
- Tọa độ vị trí đầu nối xả nước thải: $X(m) = 2067936$; $Y(m) = 598623$ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Vị trí đầu nối nước thải sau xử lý có biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát nguồn thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 161,3 m³/ngày.đêm tương đương 6,72 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức đầu nối vào hệ thống thoát nước chung dọc đường Lê Văn Miến về hệ thống xử lý nước thải tập trung trên địa bàn phường Trường Vinh để tiếp tục xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng.

2.5. Chế độ xả nước thải: gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B, bảng 2), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20°C)	mg/l	≤ 35		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5		
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 15		
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	≤ 5,0		
8	Amoni (N-NH ₄ ⁺) tính theo N	mg/l	≤ 8,0		
9	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
10	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6,0		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: nước thải từ các nhà vệ sinh (bệ xí, bệ tiểu...).
- Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động rửa chân tay, thoát sàn.
- Nguồn số 03: nước thải từ khu vực nhà bếp, chậu rửa.

Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01 đến nguồn số 03 được xử lý sơ bộ trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 165 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý .

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Số lượng, vị trí, kết cấu: 01 bể tự hoại thể tích 128m³ đặt ngầm dưới chân công trình, kết cấu bể bằng bê tông cốt thép.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ nhà vệ sinh (bệ xí, bệ tiểu) → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 165 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: không.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Số lượng, vị trí: 01 bể tách dầu mỡ, thể tích 15m³, kết cấu bể bằng bê tông cốt thép.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ nhà bếp → bể tách dầu mỡ → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 165 m³/ngày.đêm.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sinh hoạt (nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; nước thải từ nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ; nước thải từ rửa tay, thoát sàn... được dẫn qua song chắn rác tại vị trí phát sinh) → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → hệ thống thoát nước dọc đường Lê Văn Miến → nhà máy xử lý nước thải tập trung trên địa bàn phường Trường Vinh → nguồn tiếp nhận (sông Rào Đùng).

- Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ.

- Công suất thiết kế: 165 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine, Mật rỉ đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên giám sát hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố đảm bảo không để nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu xả ra môi trường. Tuân thủ nghiêm túc nội quy, quy định trong công tác thực hiện các biện pháp an toàn trong vận hành, bảo vệ môi trường. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn, chuyển giao công nghệ, lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý.

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm, đường ống,... để thay thế kịp thời xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của nhân viên, cán bộ kỹ thuật vận hành hệ thống kịp thời phát hiện và ứng phó khi có sự cố xảy ra. Bố trí đúng nhân lực kỹ thuật có kinh nghiệm, năng lực để làm việc.

- Đảm bảo vận hành các công trình xử lý nước thải và bảo trì các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế thiết bị của các công trình xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra rò rỉ, tắc nghẽn, vỡ hệ thống đường ống dẫn nước.

- Trường hợp hệ thống gặp sự cố cần nhanh chóng khắc phục sự cố để đưa hệ thống xử lý nước thải trở lại hoạt động bình thường. Trường hợp thời gian sửa chữa lâu, các bể trong hệ thống xử lý nước thải không đủ khả năng lưu chứa. Cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý, cam kết không đầu nối nước thải không đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến: bắt đầu từ ngày 01/09/2027 đến hết ngày 01/12/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 165 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: lấy và phân tích mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra ngoài môi trường (sau bể khử trùng).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng các quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý nước thải theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Toàn KBK có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm do Giấy phép này phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.8. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Toàn KBK chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thu gom, xử lý và đấu nối nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung trên địa bàn phường Trường Vinh để tiếp tục xử lý; các bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này phải dừng ngay việc đấu nối nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2394 /GPMT-UBND

ngày 15 /06 /2026 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Mùi từ khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung khu vực tầng hầm theo đường ống thu gom về quạt hút có gắn vật liệu lọc bằng than hoạt tính để khử mùi và xả ra qua ống thoát khí trên tầng mái.

- Tại khu vực nhà bếp trang bị quạt thông gió, hệ thống hút mùi nhằm khuếch tán nhanh các khí từ nhà bếp ra môi trường bên ngoài..

- Đối với khí thải của máy phát điện: sử dụng nguyên liệu (dầu DO) đảm bảo nồng độ khí thải của máy phát điện nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung → 01 đường ống thu gom → 01 quạt hút (có gắn than hoạt tính) → 01 ống thoát khí.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Chế độ vận hành: theo ca làm việc.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải để kịp thời khắc phục các sự cố bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ mùi phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm khí thải, mùi phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thực hiện đầy đủ công trình, biện pháp thu gom khí thải, giảm thiểu mùi theo đúng quy định.

3.3. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Toàn KBK chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải, gây mùi không đảm bảo các yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, gây mùi để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~2794~~ /GPMT-UBND
ngày 25 /6 /2026 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh

- Nguồn phát sinh từ tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nguồn không thường xuyên).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ phát sinh tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, vĩ chiều 3°): X(m) = 2067948; Y(m) = 598657.

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; độ rung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1. Tiếng ồn:

Áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Không thuộc đối tượng	Khu vực B
55	50	45		

3.2. Độ rung:

Áp dụng QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Không thuộc đối tượng	Khu vực B
65	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê đệm chân đế máy để hạn chế độ rung, lắp phòng để máy phát điện cách âm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Quá trình vận hành các thiết bị, máy móc phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo các thiết bị hoạt động hiệu quả, hạn chế tiếng ồn.

2.3. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Toàn KBK chịu hoàn toàn trách nhiệm khi phát sinh tiếng ồn, độ rung không đảm bảo các yêu cầu theo quy định.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(kèm theo Giấy phép môi trường số 2794 /GPMT-UBND
ngày 25/6/2026 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Chủng loại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng thải (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	16 01 06	35
2	Pin, ắc quy thải	NH	16 01 12	35
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	18 02 01	80
4	Bao bì mềm (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 01	40
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 03	50
	Tổng			240

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên.

- Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, nạo vét hệ thống thoát nước: khoảng 279,4 m³/năm;

- Dầu mỡ từ bể tách dầu: 0,5 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 645 kg/ngày tương đương 235 tấn/năm được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom hàng ngày và xử lý.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thu gom và phân loại vào các thùng chứa riêng biệt tương ứng với từng mã chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn và đặt trong khu vực kho chứa chất thải nguy hại của dự án.

- Bố trí 05 thùng nhựa composite chứa chất thải nguy hại với dung tích mỗi thùng là 80 lít đặt trong kho chứa chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát: phân định ngưỡng chất thải nguy hại đối với chất thải công nghiệp kiểm soát. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải

- Diện tích kho lưu chứa: 10m²

- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa: kho có kết cấu bao kín tường gạch, nền lát gạch, có gờ chống tràn đổ, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định; trang bị dụng cụ, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom thoát nước định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý tần suất 02 lần/năm.

- Đối với lượng dầu mỡ thải từ bể tách dầu: vớt định kỳ thuê đơn vị thu gom bằng phương pháp thủ công và vận chuyển và xử lý. Tần suất thu gom trung bình là 03 tháng/lần.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Tổng diện tích kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 30m².

- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: kho có kết cấu bao kín bằng tường gạch, nền lát gạch, có biển báo và dán nhãn theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dán nhãn trong khuôn viên cơ sở và khu vực kho chứa để phân loại theo đúng quy định tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An được sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND ngày 13/4/2026.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 30m².
- Thiết kế cấu tạo của khu lưu chứa trong nhà: kho có kết cấu bao kín bằng tường gạch, nền lát gạch, trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển báo và dán nhãn theo quy định tại khu vực tầng 1.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(kèm theo Giấy phép môi trường số 2794 /GPMT-UBND
ngày 25/6 /2026 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; đảm bảo đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực dự án.

3. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT và Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Pháp luật;

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản ban quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

